

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 3 - 2023

V/v ly hôn giữa anh T và chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Trần Xuân Chinh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng-Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt);

ĐKHKT: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Số nhà 10, ngách 12, ngõ 250, phố K, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm T (xóm 9 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2022, bản tự khai ngày 09/02/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định vào ngày 28/4/2014. Quá trình vợ chung sống bình thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, từ đó vợ chồng đã sống ly thân đến tháng 7/2022 anh và chị N thống nhất ly hôn, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Trần Thị N ly hôn.

Về con chung: Giữa anh và chị N không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2023 bị đơn chị Trần Thị N trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2014 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Quá trình vợ chồng chung sống không hợp nhau đã sống ly thân từ năm 2020 không đoàn tụ lại. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị đồng ý đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị N;

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị N đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định và ngày 28/4/2014 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, từ năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân không đoàn tụ lại. Nay anh T và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa anh T và chị N không còn hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Trần Thị N của anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị N không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí DSST: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị N

2. Về án phí DSST: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai số 0004877 ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã X, huyện X;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh